

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21-4-2022

“V/v Ly hôn giữa anh H
và chị H1”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đắc Nghi

2. Bà Phạm Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21-4-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/HNGĐ - QĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trình Văn H, sinh năm 1987.

Bị đơn: Chị Trần Thị Thanh H1, sinh năm 1991.

Đều trú tại: Thôn Q, xã Minh T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Anh H có đơn xin xử vắng mặt, chị H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh Trình Văn H trình bày: Anh kết hôn với chị H1 là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh T vào ngày 05-02-2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng không bảo ban được nhau trong cuộc sống làm ăn, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) huyện H giải quyết cho anh được ly hôn chị H1. Về nuôi con chung: Anh và chị

H1 có 01 con chung là Trình Bảo Ng, sinh ngày 15/12/2015, hiện tại đang do anh nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi con, anh xin nuôi con hoàn toàn, không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-02-2022 của Trần Ngọc B, sinh năm 1955 ở Thôn Q, xã Minh T, huyện H (là bố đẻ của chị H1) trình bày: Ông đã trao đổi với chị H1, quan điểm của chị H1 như sau: Về hôn nhân: Chị H1 và anh H kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh T, huyện H vào năm 2015, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, không bảo ban được nhau trong cuộc sống, vợ chồng đã mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ khoảng tháng 8-2021 đến nay. Nay Anh H xin ly hôn, chị H1 cũng nhất trí vì tình cảm vợ chồng không còn. Về nuôi con chung: Chị H1 và anh H có 01 con chung là cháu Trình Bảo Ng, sinh năm 2015, hiện nay đang do anh H nuôi dưỡng, khi ly hôn chị H1 cũng đồng ý để anh H trực tiếp nuôi con, anh H xin nuôi con hoàn toàn, chị H1 cũng nhất trí. Về chia tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị H1 không có mặt tại địa phương, chị H1 đang làm ăn tự do ở Miền Nam từ sau tết năm 2022 đến nay, ông không biết địa chỉ cụ thể của chị H1 ở đâu, chị H1 vẫn thường xuyên liên lạc với ông và gia đình qua điện thoại, ông đã trao đổi với chị H1 về việc Tòa án gửi thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho chị H1, nhưng chị H1 không về Tòa án để giải quyết vụ án được, chị H1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho anh H ly hôn chị H1; về nuôi con chung: Giao cháu Nguyên cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con, chị H1 được quyền thăm nom chăm sóc con chung; về chia tài sản chung: Anh H, chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh H khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị H1, địa chỉ: Thôn Q, xã Minh T, huyện H. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện H, tỉnh Thái Bình. Anh H có đơn xin xử vắng mặt, chị H1 vắng mặt vì vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh H, chị H1 theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Anh H kết hôn với chị H1 là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh T vào ngày 05-02-2015, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng mâu thuẫn căng cứng và sống ly thân từ tháng 8-2021 đến nay. Anh H xin ly hôn, chị H1 cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho anh H, chị H1 ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Anh H, chị H1 có 01 con chung là cháu Trình Bảo Ng, sinh ngày 15-12-2015, hiện nay đang do anh H nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh H xin nuôi con hoàn toàn, chị H1 cũng đồng ý. Do vậy cần giao cháu Ng cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về chia tài sản chung*: Mặc dù anh H và ông Bường đều trình bày vợ chồng anh H, chị H1 không có tài sản chung, nhưng do chưa có ý kiến trực tiếp của chị H1 nên Tòa án không xem xét giải quyết. Anh H, chị H1 có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng bằng vụ kiện dân sự khác (nếu có).

[5] *Về án phí*: Anh H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Trình Văn H và chị Trần Thị Thanh H1.
2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Trình Bảo Ng, sinh ngày 15-12-2015 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con, chị H1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. **Về chia tài sản chung:** Không xem xét giải quyết.

4. **Về án phí:** Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003562 ngày 15-02-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình, anh H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Anh H, chị H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND xã Minh T;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Trần Thị Nhân